

Bản án số: 39/2021/HS-PT

Ngày: 23-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức

Các Thẩm phán: Ông Dương Ngọc Thành

Ông Nguyễn Phước Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 197/2020/TLPT-HS ngày 24 tháng 12 năm 2020, do có kháng cáo của bị cáo Huỳnh Đức T, Lý B, Nguyễn Quốc D, Đặng Thanh S, Trần Văn T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2020/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Huỳnh Đức T, sinh năm 1999 tại Long An. Nơi cư trú: Ấp H, xã Hiệp Hòa, huyện D, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1972 và bà Cao Thị Út E, sinh năm 1973, bản thân có vợ tên Nguyễn Thị Kim T, có 01 con sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2018 đến ngày 09/4/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Quốc D, sinh năm 1997 tại Long An. Nơi cư trú: ấp B, xã H, huyện D, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963, bản thân có vợ tên Nguyễn Thái Thanh T (đã ly hôn), 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự:

không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2019 đến ngày 24/5/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác cho đến nay, vắng mặt.

3. Lý B, sinh năm 1996 tại Long An. Nơi cư trú: ấp B, xã D, huyện D, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lý D, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1967, bản thân có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc T, có 01 con sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, vắng mặt.

4. Đặng Thanh S, sinh năm 1977 tại Long An. Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Chạy xe ôm; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Văn K, sinh năm 1950 và bà Hồ Thị U, sinh năm 1950, bản thân có vợ tên Lê Thị P (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Trần Văn T1, tên gọi khác: T1 Bò, sinh năm 1992 tại Long An. Nơi cư trú: Ấp B, xã D, huyện D, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn A, sinh năm 1969 và bà Thái Thị Ngọc L, sinh năm 1971, bản thân chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt.

- Những người tham gia tố tụng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị không triệu tập gồm:

1. Bùi Hoàng T2, tên gọi khác: T2 Địa, sinh năm 1985 tại thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: phường 10, quận G, thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Ấp H, xã H, huyện D, tỉnh Long An.

2. Nguyễn Văn H, tên gọi khác: H Mèo, sinh năm 1977 tại thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: ấp 1, xã D, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Huỳnh Dương Gia B1, tên gọi khác: B1, sinh năm 1999 tại thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: Ấp H, xã H, huyện D, tỉnh Long An; Chỗ ở: Khu vực 3, thị trấn H, huyện D, tỉnh Long An.

4. Huỳnh Tấn Q, tên gọi khác: Gỏi, sinh năm 1994 tại Long An. ĐKTT: Ấp H, xã H, huyện D, tỉnh Long An.

5. Lê Trọng H1, tên gọi khác: Danh Đen, sinh năm 1986 tại Long An. ĐKTT: Ấp Hòa Bình 2, xã Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

6. Võ Hoàng L, tên gọi khác: không, sinh năm 1989 tại Long An. ĐKTT: Ấp 4, xã M, huyện D, tỉnh Long An; Chỗ ở: Ấp H, xã H, huyện D, tỉnh Long An.

7. Nguyễn Tuấn A, tên gọi khác: Tý Móc, sinh năm 1988 tại Long An. ĐKTT: Ấp H, xã H, huyện D, tỉnh Long An.

8. Nguyễn Quốc T3, tên gọi khác: Đen, sinh năm 1989 tại Long An. ĐKTT: Khu vực 2, thị trấn H, huyện D, tỉnh Long An.

9. Trương Hữu V, tên gọi khác: không, sinh năm 1981 tại Long An. ĐKTT: khu vực 2, thị trấn H, huyện D, tỉnh Long An.

10. Nguyễn Nhật Thanh N, tên gọi khác: không, sinh năm 1989 tại Long An. ĐKTT: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Long An.

11. Trần Hữu H2, tên gọi khác: không, sinh năm 1975 tại Đồng Nai. ĐKTT: khu phố 2, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Văn T4, sinh năm 1972

ĐKTT: Ấp 3, xã M, huyện D, tỉnh Long An.

2. Nguyễn Quang V1, sinh năm 1996

ĐKTT: Ấp H, xã H, huyện D, tỉnh Long An.

3. Lê Châu T5, sinh năm 1991

ĐKTT: Ấp A, xã A, huyện D, tỉnh Long An.

4. Trần Thị Thu T6, sinh năm 1974.

ĐKTT: khu phố 2, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

5. Bùi Văn Q1, sinh năm 1962.

ĐKTT: phường 10, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Ấp H, xã H, huyện D, tỉnh Long An.

6. Nguyễn Thị P, sinh năm 1971

ĐKTT: phường 13, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

7. Nguyễn Thị Đại L1, sinh năm 1970

ĐKTT: phường 1, quận G, thành phố Hồ Chí Minh.

8. Cao Thị Út E, sinh năm 1973

ĐKTT: Ấp H, xã H, huyện D, tỉnh Long An.

9. Nguyễn Văn Lê Huỳnh D1, sinh năm 2001.

ĐKTT: xã L, huyện C, tỉnh Long An.

10. Võ Hữu T7, sinh năm 1961.

ĐKTT: phường 6, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh

11. Lê Hữu T8, sinh năm 1974.

ĐKTT: phường 14, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

12. Nguyễn Văn B1, sinh năm 1960

ĐKTT: phường 9, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

13. Nguyễn Minh L2, sinh năm 1971

ĐKTT: phường 1, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

14. Ngô Thị Thùy L3, sinh năm 1972

ĐKTT: khu phố 3, phường 1, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

15. Lê Chí N1, sinh năm 1971

ĐKTT: 7phường T, thành Phố B, tỉnh Đồng Nai.

16 Trương Thị Thu H2, sinh năm 1982.

ĐKTT: phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

17. Cao Hoan X, sinh năm 1990

ĐKTT: Ấp H, xã H, huyện D, tỉnh Long An.

18. Dương Thị B2, sinh năm 1967

ĐKTT: Ấp H, xã H, huyện D tỉnh Long An.

19. Lê Thế H3, sinh năm 1982

ĐKTT: Ấp B, xã D, huyện D, tỉnh Long An.

20. Lý Lệ T9.

ĐKTT: phường 7, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

21. Công ty TNHH thương mại vận tải và du lịch G.

Địa chỉ: phường 2, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

22. Lại Ngọc M, sinh năm 1958

ĐKTT: phường 6, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

23. Trần Đức T10, sinh năm 1964

ĐKTT: phường 6, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

24. Khuru Hoàng T11, sinh năm 1983

ĐKTT: phường A, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

25.Võ Thị Ngọc Y, sinh năm 1996

ĐKTT: Ấp H, xã H, huyện D, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2018, Bùi Hoàng T2 đứng ra tổ chức nhập lậu thuốc lá ngoại mua ở khu vực biên giới Tho Mo huyện Đức Huệ thông qua Nguyễn Văn T4 với số lượng từ 07 đai đến 24 đai (01 đai bằng 60 cây, 01 cây bằng 10 gói, vậy chỉ từ 4.200 bao đến 14.400 bao) bán lại cho các đầu mối ở các tỉnh Bình Dương, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Thuận, tỉnh Sóc Trăng... để kiếm lời. T2 thuê Huỳnh Đức T, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Văn H, Lý B, Nguyễn Tuấn A, L (không rõ họ tên và địa chỉ) ở huyện Hóc Môn, Tp. HCM, Đức (không rõ họ tên và địa chỉ) ở xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, Nam (không rõ họ tên và địa chỉ) ở huyện Đức Hòa có nhiệm vụ tài xế điều khiển xe vận chuyển thuốc lá ngoại. Nhiệm vụ phụ xe, chất thuốc lá ngoại lên xuống xe và một số nhiệm vụ khác thì T2 thuê Huỳnh Dương Gia B1, Huỳnh Tấn Q, Nguyễn Quang V1, riêng Trần Văn T1 thì

do T thuê. Tiền công chở và phụ xe thuốc lá ngoại thì tùy độ gần xa giao thuốc, số lượng thuốc giao mà trả theo chuyến từ 2.000.000đ đến 5.000.000đ. Đối với nhiệm vụ canh giới trên suốt tuyến đường vận chuyển thuốc lá ngoại từ xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ đến khi ra khỏi địa bàn tỉnh Long An, để hoạt động vận chuyển thuốc lá ngoại được an toàn thì T2 thuê Đặng Thanh S, Võ Hoàng L, Lê Trọng H1, Lê Châu T5 và Nhật (không rõ họ tên và địa chỉ) ở huyện Đức Hòa. T2 thanh toán tiền công canh giới 100.000đ/01chuyến và 01 tuần thanh toán 01 lần. Phương tiện sử dụng vận chuyển thuốc lá ngoại nhập lậu là xe ô tô loại 04 chỗ hoặc 07 chỗ thuê lại của người khác rồi gỡ bỏ các băng ghế phía sau trong xe trống để chất thuốc nhưng T2 không trực tiếp thuê mà giao cho Lý B, Huỳnh Đức T, Nguyễn Văn H trực tiếp liên hệ với các công ty cho thuê xe tự lái tại TP.Hồ Chí Minh để thuê, tiền thuê xe hàng tháng do T2 thanh toán bằng hình thức chuyển khoản hoặc giao cho các đối tượng đứng tên thuê xe thanh toán bằng tiền mặt. Riêng Lý B thì T2 trả thêm tiền đứng ra thuê xe 5.000.000đ/01xe/01 tháng. Việc thanh toán tiền buôn bán thuốc lá thì T2 thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản bằng tài khoản cá nhân số 6612205064468 của Bùi Hoàng T2 mở tại Ngân hàng Agribank. Khi các đầu mối chuyển khoản tiền thuốc cho T2 thì khoảng 2-3 ngày sau T2 rút chuyển tiền thanh toán thuốc lá cho T4 thông qua tài khoản Trần Thị Thu T6. Tiền lời có được từ buôn bán thuốc lá ngoại nhiều hay ít phụ thuộc vào giá thuốc tại thời điểm buôn bán cao hay thấp, tháng đi nhiều hay ít, vì có tháng đi trên 10 chuyến, có tháng đi 4-5 chuyến do bị lực lượng phòng chống buôn lậu kiểm tra. T2 không có bỏ vốn ban đầu để mua thuốc lá ngoại mà mua đem đi giao sau đó thanh toán sau để hưởng chênh lệch giá sau đó trừ chi phí thuê tài xế, phụ xế, canh đường, chi phí xăng, cầu đường, tiền thuê 03 xe ô tô và huê hồng cho người đứng thuê xe thì T2 hưởng được từ 7.000.000đ/01tháng đến 7.500.000đ/01tháng tiền lời. Từ khi thực hiện bán thuốc lá ngoại đến ngày T2 bị bắt thì T2 thu lợi bất chính từ hoạt động mua bán thuốc lá ngoại với tổng số tiền là 75.000.000đ, hiện đã giao nộp. Từ khi buôn bán thuốc lá ngoại thì T2 bị bắt quả tang 03 vụ, cụ thể: Vụ thứ 1: Khoảng 18 giờ ngày 29/7/2018, Lý B điều khiển xe ô tô Fortuner biển số 51F-127.00 có Nguyễn Văn Lê Huỳnh D1 đi theo trên xe chở 14.200 bao thuốc lá ngoại nhập lậu, khi tới khu vực ấp 3, xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An thì B nghe Võ Hoàng L làm nhiệm vụ canh giới báo có lực lượng chức năng tuần tra nên B và Đức xô tất cả thuốc lá ngoại xuống đường rồi điều khiển xe bỏ chạy. Vụ thứ 2: Khoảng 17 giờ ngày 27/8/2018, Công an huyện Đức Huệ bắt quả tang trên xe ô tô loại 5 chỗ ngồi hiệu Hyundai loại Elantra màu trắng biển số 51G-393.58 do Huỳnh Đức T điều khiển có chở 9.000 bao thuốc lá ngoại nhập lậu hiệu Jet, T bỏ xe và thuốc lá chạy thoát. Vụ thứ 3: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 11/9/2018 tại ấp 7, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An tổ phòng chống buôn lậu thuộc Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Long An bắt quả tang xe ô tô hiệu Fortuner màu đen biển số 51F-868.82 do Huỳnh Đức T điều khiển chở 14.400 bao thuốc lá ngoại nhập lậu (trong đó 2.400 bao hiệu Jet, 12.000 bao hiệu Hero).

Riêng ngày 11/9/2018, T2 sắp xếp 04 chuyến xe chở thuốc lá ngoại đi giao cho các đầu mối tiêu thụ thì giao được 02 chuyến, trong đó 01 chuyến của D nhận tiền thuốc lá ngoại là 160.000.000đ chưa đưa lại cho T2 và 01 chuyến của Tuấn

A cùng B1 bên mua thuốc lá ngoại chưa trả tiền, 01 chuyến bị bắt quả tang do T cùng T1 và 01 chuyến không thực hiện do Đức (Lé) và Q nghe T bị bắt nên đã trả lại thuốc lá ngoại cho nơi cung cấp, hiện số thuốc ở đâu không rõ.

Huỳnh Đức T, Nguyễn Quốc D, Lý B, Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Văn H biết rất rõ T2 là người buôn bán thuốc lá ngoại nhưng vẫn tham gia vai trò điều khiển xe chở thuốc lá ngoại giao các đầu mối cho T2. Huỳnh Đức T sử dụng 02 xe để chở thuốc lá ngoại cho T2 gồm xe ô tô hiệu Hyundai Elantra biển số 51G - 393.58, xe ô tô hiệu Fortuner biển số 51F - 868.82 phụ xe có Trần Văn T1 và Huỳnh Dương Gia B1, theo sự chỉ đạo của T2 thì T đi nhận thuốc lá ở chợ Tho Mo, Đức Huệ sau đó giao ở đầu mối các tỉnh Sóc Trăng, Bình Thuận, Hậu Giang. Từ ngày tham gia chở thuốc lá ngoại cho T2 đến ngày T2 bị bắt thì T đã thực hiện 28 chuyến, trong đó 26 chuyến giao thành công và 02 chuyến bị bắt ngày 27/8/2018, 11/9/2018. T nhận từ T2 tổng số tiền chở thuốc lá ngoại 26 chuyến giao thành công là 83.000.000đ, riêng 02 chuyến bắt quả tang thì T2 không thanh toán, T trả tiền phụ xe cho T1 và B1 là 26.000.000đ, T giữ 57.000.000đ. Hiện tại T đã nộp lại 20.000.000đ. Ngoài vai trò trực tiếp điều khiển xe vận chuyển thuốc lá ngoại ra T còn đứng ra thuê xe ô tô hiệu Chevrolet Cruze biển số 51G - 488.99 cho T2 bố trí cho các tài xế khác sử dụng chở thuốc lá ngoại nhập lậu, trong đó có Nguyễn Quốc D sử dụng chở thuốc lá ngoại nhập lậu vào tối ngày 11/9/2018. Việc đứng ra thuê xe cho T2, T không nhận tiền công. Nguyễn Quốc D sử dụng xe ô tô hiệu Chevrolet Cruze biển số 51G - 488.99 và xe ô tô hiệu Hyundai Elantra biển số 51G - 393.58 để chở thuốc lá ngoại giao cho các đầu mối, phụ xe cho D thì có Trần Văn T1 và Huỳnh Dương Gia B1. D chở thuốc lá ngoại cho T2 được 06 chuyến, cụ thể: chuyến thứ 1: khoảng tháng 5/2018 D đi có T1 làm phụ xe giao thuốc ở tỉnh Sóc Trăng, tiền công D nhận là 1.000.000đ, còn T1 nhận 500.000đ; chuyến thứ 2: khoảng tháng 7/2018 D một mình giao thuốc lá ngoại ở tỉnh Hậu Giang, nhận 1.000.000đ tiền công; chuyến thứ 3: khoảng tháng 8/2018 (không nhớ rõ ngày) D một mình giao thuốc lá ngoại ở tỉnh Sóc Trăng, nhận 1.000.000đ tiền công; chuyến thứ 4: khoảng tháng 8/2018 (không nhớ rõ ngày) D điều khiển xe có Huỳnh Dương Gia B1 làm phụ xe giao thuốc lá ngoại ở tỉnh Bình Thuận, D nhận là 2.000.000đ tiền công, còn B1 nhận bao nhiêu không biết; chuyến thứ 5: khoảng tháng 8/2018 (không nhớ rõ ngày) D một mình điều khiển xe chở thuốc lá ngoại giao ở tỉnh Bình Thuận, nhận 2.500.000đ tiền công, chuyến thứ 6: ngày 11/9/2018 D một mình điều khiển xe ô tô hiệu Chevrolet Cruze biển số 51G - 488.99 chở 4.200 bao thuốc lá ngoại giao ở quận 6, Tp. HCM và nhận 160.000.000đ tiền bán thuốc đem về, D nghe T bị bắt nên lấy 30.000.000đ chia cho Trần Văn T1, Huỳnh Tấn Q, Đức Lé mỗi người 7.500.000đ, D cũng giữ 7.500.000đ, số tiền còn lại 130.000.000đ D giao cho bà Cao Thị Út E (mẹ T) để đưa cho T2. Tổng số tiền công D nhận được từ T2 và số tiền tự chia ngày 11/9/2018 là 15.000.000đ, hiện D đã nộp lại. Lý B đứng ra thuê xe ô tô cho T2 sử dụng cho vận chuyển thuốc lá ngoại đi tiêu thụ, ngoài ra B cũng có nhiều lần trực tiếp điều khiển xe ô tô vận chuyển thuốc lá ngoại của T2. B thuê xe từ Công ty TNHH TM Vận tải và Dịch vụ Gia Đình Việt loại xe 04 chỗ hoặc 07 chỗ, gồm các xe: xe ô tô hiệu Hyundai Elantra biển số 51G - 393.58, xe ô tô hiệu Fortuner biển số 51F - 868.82 và xe ô tô Fortuner biển số 51F-127.00. Hàng tháng T2 trả

cho B tiền công đứng ra thuê xe 5.000.000đ/01tháng/01xe, còn tiền thuê các xe trên thì T2 thanh toán. Tiền công đứng ra thuê xe cho T2 là 60.000.000đ nhận 05 lần không nhớ thời gian cụ thể: Lần thứ 1 và lần thứ 2 bồi dưỡng đứng tên thuê 03 xe là 15.000.000đ/01tháng/01lần; Lần thứ 3, lần thứ 4 và lần thứ 5 chỉ đứng tên thuê 02 xe nên nhận 10.000.000đ/01tháng/01lần. Do T2 cần tài xế giao thuốc lá ngoại nên B nhận chở thuốc cho T2 được 04 lần trong đó có 01 lần ngày 29/7/2018 B điều khiển xe ô tô hiệu Fortuner biển số 51F-127.00 rủ Nguyễn Văn Lê Huỳnh D1 (là em vợ của B) đi theo vào khu vực giáp biên giới chơi, B không có nói cho Đức biết là đi lấy thuốc lá ngoại, khi đến địa điểm nhận thuốc ở ấp 3, xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ thì B nhận 22 đại thuốc lá ngoại (14.200 bao thuốc lá ngoại) chất lên xe vận chuyển đi giao thì nghe Võ Hoàng L báo có lực lượng Công an tuần tra nên đã xô những bao hàng xuống đường và điều khiển xe một đoạn rồi bỏ xe chạy thoát. Đối với 03 lần giao thuốc lá ngoại thành công thì B đều điều khiển xe ô tô biển số 51F-127.00, có phụ xe là V1 (không rõ họ tên và địa chỉ), không nhớ rõ số lượng thuốc, đi giao ở Tp. HCM, tỉnh Đồng Nai và tỉnh Sóc Trăng, tiền công 03 lần giao là 5.500.000đ (trong đó giao tỉnh Sóc Trăng được 2.500.000đ, giao ở Tp. HCM và tỉnh Đồng Nai mỗi chuyến được 1.500.000đ), còn V1 do T2 trả tiền công nên B không biết. Tổng số tiền B nhận từ T2 tham gia buôn bán thuốc lá ngoại là 65.500.000đ B đã tiêu xài cá nhân hết, hiện B chưa giao nộp. Ngày 11/9/2018, Nguyễn Tuấn A điều khiển xe ô tô loại 04 chỗ ngồi hiệu KIA không nhớ biển số có Huỳnh Dương Gia B1 làm phụ xế, chạy đến bãi đất trống gần chợ Tho Mo thuộc xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ nhận thuốc lá ngoại rồi đi giao thuốc ở Gia Kiệm, tỉnh Đồng Nai. Sau khi giao thuốc xong Tuấn A điều khiển xe cùng B1 về gần nhà T2 trả xe, Tuấn A nhận được 1.400.000đ tiền công, T2 trả tiền công cho B1 bao nhiêu thì không biết. Hiện Tuấn A đã nộp lại 1.400.000đ. Nguyễn Văn H chở thuốc lá ngoại cho T2 02 chuyến đều sử dụng xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 51A - 841.51 do H tự thuê của anh Khru Hoàng Tuấn, cụ thể: chuyến thứ 1: ngày 13/01/2018, H điều khiển xe có Huỳnh Dương Gia B1 phụ xe vận chuyển thuốc lá ngoại giao người tên T6 (không rõ họ tên và địa chỉ) ở thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, B1 nhận 170.000.000đ thuốc lá ngoại cất giữ nhưng trên đường về thì bị cướp lấy hết số tiền trên. Sự việc có trình báo Công an thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, hiện tại Công an thành phố Phan Thiết đang thụ lý vụ việc; chuyến thứ 2: ngày 11/3/2018, H một mình đi giao cho đầu mối ở thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, chuyến này T2 trả công cho H 5.000.000đ, hiện H đã nộp lại 5.000.000đ. Ngoài ra, H còn khai nhận chở thuốc lá ngoại cho Nguyễn Quốc T3.

Huỳnh Dương Gia B1, Huỳnh Tấn Q biết rõ Bùi Hoàng T2 là người chuyên buôn bán thuốc lá ngoại nhưng vẫn đồng ý theo là, phụ xe vác thuốc lá ngoại chất lên và đưa xuống xe cho các tài xế của T2 đi giao thuốc các đầu mối. Huỳnh Tấn Q khai nhận chỉ làm phụ xế cho Đức (không rõ họ tên và địa chỉ) chuyên chở thuốc lá ngoại cho T2 được 04 chuyến đều dùng xe ô tô 04 chỗ hiệu KIA không nhớ biển số, cùng số lượng thuốc lá ngoại là 22 đại giao cho các đầu mối ở tỉnh Bình Dương, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Bình Thuận với tiền công Q nhận được là 3.500.000đ và 7.500.000đ D chia ngày 11/9/2018, tổng số tiền thu lợi bất chính là 11.000.000đ Q đã tiêu xài hết, hiện chưa nộp lại. Huỳnh Dương Gia B1

đã tham gia phụ xe cho Nguyễn Văn H, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Tuấn A và Huỳnh Đức T tất cả 05 chuyến, cụ thể: chuyến thứ 1: đi cùng Nguyễn Văn H giao thuốc lá ngoại ở thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận bị cướp số tiền 170.000.000đ vào ngày 13/01/2018; chuyến thứ 2 và chuyến thứ 3: khoảng giữa năm 2018 B1 đi cùng Huỳnh Đức T giao thuốc lá ngoại ở thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận 02 chuyến, 02 chuyến này B1 nhận 1.600.000đ tiền công (800.000đ/01chuyến); chuyến thứ 4: Khoảng tháng 8/2018, B1 đi cùng Nguyễn Quốc D giao thuốc lá ngoại cho đầu mỗi tỉnh Bình Thuận, B1 được 400.000đ tiền công; chuyến thứ 5: ngày 11/09/2018, B1 đi cùng Tuấn A đều giao thuốc lá ngoại tại tỉnh Đồng Nai, chuyến này B1 nhận 400.000đ tiền công. Tổng số tiền B1 nhận từ việc làm phụ xe cho các tài xế chở thuốc lá ngoại cho T2 là 2.400.000đ, hiện B1 đã nộp lại.

Trần Văn T1 hoàn toàn không quen biết Bùi Hoàng T2 và T2 cũng không có thuê T1 tham gia vận chuyển thuốc lá ngoại, do T1 có quen với Huỳnh Đức T và Nguyễn Quốc D biết T và D chở thuê thuốc lá ngoại nên vào khoảng giữa năm 2018, T, D rủ T1 đi làm phụ xe vận chuyển thuốc lá ngoại thì T1 đồng ý. Từ khi tham gia đến khi bị bắt quả tang ngày 11/9/2018 ở ấp 7, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức thì T1 thực hiện 05 chuyến vận chuyển thuốc lá ngoại (04 chuyến thành công và 01 chuyến bắt quả tang ngày 11/9/2018). Đối với 04 chuyến thành công thì T1 không nhớ rõ thời gian, số lượng, phương tiện là xe chở thuốc lá ngoại, trong đó: 03 chuyến đi với T giao thuốc lá ngoại đầu mỗi ở tỉnh Sóc Trăng thì T trả công 2.100.000đ (chuyến thứ 1 được 300.000đ, chuyến thứ 2 và chuyến thứ 3 được 800.000đ/01chuyến), 01 chuyến đi với D giao thuốc lá ngoại đầu mỗi ở tỉnh Sóc Trăng thì D trả 500.000đ tiền công. Ngày 11/9/2018, T1 đi cùng với T chở thuốc lá ngoại đi tiêu thụ, trên đường đi đến ấp 7, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An thì bị Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an tỉnh Long An chặn bắt, lúc này T1 mở cửa xe chạy thoát còn T bị bắt quả tang cùng thuốc lá ngoại và xe ô tô. Tổng số tiền T1 nhận từ D và T cho việc phụ xe vận chuyển thuốc lá ngoại là 2.100.000đ, hiện T1 đã nộp 2.100.000đ, riêng 300.000đ ở chuyến 01 thì T1 cho rằng T trả nợ nên không nộp lại.

Đặng Thanh S, Lê Trọng H1 và Võ Hoàng L biết Bùi Hoàng T2 là đối tượng buôn bán thuốc lá ngoại nhưng vẫn nhận nhiệm vụ canh đường cho các tài xế của T2 chở thuốc lá ngoại đi tiêu thụ với tiền công 100.000đ/01chuyến. Đặng Thanh S canh đường cho T2, nhiệm vụ của S là canh địa điểm khu vực cổng Bru điện huyện Đức Huệ, giám sát trước cổng Công an huyện Đức Huệ khi phát hiện lực lượng chức năng nhiệm vụ thì gọi điện thoại thông báo cho T2 biết để xử lý để không bị bắt, thời gian S canh đường cho T2 là từ 18 giờ đến 22 giờ hàng ngày. S canh đường cho T2 rất nhiều lần không nhớ ngày cụ thể, nhưng các vụ bắt ngày 12/3/2018, ngày 27/8/2018, ngày 11/9/2018 thì S có tham gia canh đường cho T2. T2 đã trả tiền công cho S 03 lần không nhớ ngày tháng trả và trả nơi nào, cụ thể: lần thứ 1 trả được 400.000đ, lần thứ 2 trả 600.000đ và lần thứ 3 trả 500.000đ, tổng số tiền là 1.500.000đ, hiện tại S đã nộp lại. Lê Trọng H1 nhận canh đường đoạn từ cầu Đức Huệ đến ngã tư Tân Mỹ, thời gian canh từ 21 giờ đến 23 giờ hàng đêm. H1 canh đường cho T2 rất nhiều lần không nhớ ngày cụ

thể, nhưng các vụ vận chuyển thuốc lá ngoại bị bắt ngày 27/8/2019 và 11/9/2018 thì H1 có tham gia canh đường. Việc trả công thì T2 trả mỗi tuần là 300.000đ, trả được 05 lần với tổng số tiền là 1.500.000đ, hiện H1 đã nộp lại. Võ Hoàng L đã canh đường cho T2 nhiều lần nên không nhớ cụ thể bao nhiêu chuyến, chỉ nhớ có 02 chuyến báo có lực lượng bị bắt quả tang ngày 27/8/2018 và ngày 11/9/2018. Võ Hoàng L làm nhiệm vụ canh giới cho T2 đoạn đường từ cầu Rạch Côi xã Mỹ Thạnh Đông đến cầu Đức Huệ trong khoảng thời gian từ 08 giờ đến 20 giờ hàng ngày, L canh cho T2 rất nhiều lần không nhớ rõ, từ khi canh đường cho T2 đến nay L đã nhận tiền công 03 lần tổng cộng khoản 1.200.000đ, hiện L đã nộp lại. Ngoài ra, L còn khai nhận canh đường cho Nguyễn Quốc T3, Trần Hữu H2 chở thuốc lá ngoại.

Ngày 12/3/2018, Nguyễn Quốc T3 có thuê Nguyễn Văn H chở thuốc lá ngoại đi giao cho các đầu mối thì bị bắt quả tang nên T3 nghỉ một thời gian đến khoảng tháng 02/2019, thì T3 bắt đầu lại mua thuốc lá ngoại nhập lậu với số lượng lớn, vận chuyển đi Tp. HCM bán lại cho các đầu mối để kiếm lời. T3 giao dịch mua thuốc lá ngoại của đối tượng người Campuchia tên “Ba Miên” (không rõ họ tên và địa chỉ) ở khu vực biên giới Tho Mo thuộc xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An. Sau đó thuê xe ô tô vận chuyển đem giao cho người tên Thảo (không rõ họ tên và địa chỉ) ở quận 8, Tp. HCM và người phụ nữ tên Lèm Bèm (không rõ họ tên và địa chỉ) tại khu vực căn cứ Sóng Thần, tỉnh Bình Dương. Số lượng thuốc lá ngoại buôn bán từ 13.000 bao đến 15.000 bao. Phương tiện T3 sử dụng chở thuốc lá ngoại gồm: xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 51G-398.28 T3 nhờ Nguyễn Minh Mẫn thuê dùm ở khách sạn Ngọc Thịnh kinh doanh dịch vụ du lịch và cho thuê xe tự lái; xe Toyota Innova biển số 51G-162.36 T3 thuê Công ty TNHH MTV SX TM dịch vụ du lịch Gia Đình Việt; xe Toyota Innova biển số 51F-520.16 T3 thuê Công ty TNHH MTV SX dịch vụ du lịch Gia Khang, sau khi thuê xe T3 gỡ bỏ các băng ghế phía sau trong xe trống để chất thuốc. Để phục vụ cho hoạt động buôn bán, vận chuyển thuốc lá ngoại nhập lậu thì T3 thuê Trương Hữu V làm tài xế điều khiển xe ô tô vận chuyển đi Tp. HCM giao cho khách hàng và trả cho V 2.000.000đ/01 chuyến khi giao thuốc thành công. T3 thuê Võ Hoàng L làm nhiệm vụ canh giới, theo dõi trước cổng Công an huyện Đức Huệ và trên đường tỉnh 838 từ xã Mỹ Quý Tây đến thị trấn Đông Thành huyện Đức Huệ, khi thấy lực lượng chức năng chống buôn lậu xuất phát làm nhiệm vụ hoặc lực lượng Công an tuần tra trên đường tỉnh 838 thì L thông báo cho T3 hoặc V biết để dừng việc vận chuyển thuốc lá ngoại. Từ khi thực hiện đến khi bị bắt T3 mua bán thuốc lá ngoại được 10 chuyến, bị bắt quả tang 04 chuyến, cụ thể: chuyến thứ 1: Khoảng 02 giờ 35 phút ngày 12/3/2018 tại Khu vực 5, thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, tổ chống buôn lậu thuộc Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Long An bắt quả tang trên xe ô tô 07 chỗ hiệu Innova màu bạc biển số 51F-721.94 do Nguyễn Văn H điều khiển (bên trong xe có cất 01 biển số 51A-841.51) chở 15.000 bao thuốc lá ngoại nhập lậu (1.200 bao hiệu Scott, 2.400 bao Hero và 11.400 bao Jet), H bỏ xe chạy thoát, chuyến thứ 2: ngày 15/02/2019, Trương Hữu V điều khiển xe biển số 51G-398.28 vận chuyển thuốc lá ngoại đi Tp. HCM tiêu thụ, trên đường đi đến ấp 1, xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ thì bị lực lượng Công an huyện Đức Huệ kiểm tra bắt giữ,

V bỏ xe chạy thoát để lại phương tiện là xe Toyota Innova biển số 51G-398.28 và 14.400 bao thuốc lá ngoại Jet và Herô, chuyến thứ 3: khoảng 19 giờ 20 phút ngày 07/3/2019 tại khu vực đường tỉnh 816 thuộc ấp 4, xã Thanh Lợi, huyện Bến Lức tổ chống buôn lậu thuộc Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Long An bắt quả tang Trương Hữu V điều khiển xe ô tô Toyota Innova biển số 51G-162.36 có Nguyễn Nhật Thanh N ngồi ghế phụ chở 15.000 bao thuốc lá ngoại nhập lậu (trong đó: 12.600 bao hiệu Jet và 2.400 bao hiệu Hero), chuyến thứ 4: ngày 12/3/2019, Nguyễn Quốc T3 điều khiển xe ô tô biển số 51F-520.16 đến cửa khẩu Tho Mo thuộc xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ mua 12.300 bao thuốc lá ngoại gồm Jet và Herô chất lên xe ô tô biển số 51F-520.16 rồi vận chuyển đi Tp. HCM, trên đường vận chuyển đến ấp 4, xã Thanh Lợi, huyện Bến Lức bị Lực lượng phòng chống buôn lậu Công an huyện Bến Lức kiểm tra, T3 bỏ xe chạy thoát, để lại phương tiện cùng thuốc lá ngoại. Những chuyến T3 bán thành công trừ tiền thuê xe, thuê tài xế, người canh đường T3 thu được 20.000.000đ tiền lời. Trương Hữu V bắt đầu tham gia vận chuyển thuốc lá ngoại cho Nguyễn Quốc T3 từ khoảng tháng 02/2019, với nhiệm vụ làm tài xế điều khiển xe đến khu vực biên giới thuộc xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nhận thuốc lá ngoại vận chuyển đi Tp. HCM giao khách hàng, mỗi chuyến T3 trả tiền công cho V là 1.500.000đ. V đã chở thuốc lá ngoại cho T3 08 chuyến, trong đó bị bắt 02 chuyến ngày 15/02/2019 và ngày 07/3/2019. Chuyến đầu tiên vào ngày 15/02/2019, V điều khiển xe ô tô biển số 51G - 398.28 chạy đến khu vực cửa khẩu Tho Mo thuộc xã Mỹ quý Tây, huyện Đức Huệ nhận thuốc lá ngoại đi giao thì đến cầu Kinh Tinh thuộc ấp 1, xã Mỹ Thanh Bắc, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An thì bị Công an huyện Đức Huệ phát hiện kiểm tra bắt giữ, V xuống xe chạy thoát bỏ lại phương tiện cùng thuốc lá ngoại. Đến khoảng cuối tháng 02/2019, V sử dụng xe ô tô biển số 51F-162.36 vận chuyển thuốc lá ngoại cho T3 từ khu vực cửa khẩu Tho Mo thuộc xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ đem về Tp. HCM giao cho khách hàng. Sau khi thực hiện được 04 chuyến giao thuốc lá ngoại, do đi một mình do đó gặp khó khăn trong việc đưa thuốc lá ngoại lên, xuống xe nên ngày 05/3/2019, V chủ động thuê Nguyễn Nhật Thanh N theo xe làm nhiệm vụ phụ xe. V và N vận chuyển chung được 02 chuyến, đến ngày 07/3/2019, khi V và N đang vận chuyển 15.000 bao thuốc lá ngoại đưa đi Tp. HCM giao cho khách hàng, trên đường đi đến ấp 4, xã Thanh Lợi, huyện Bến Lức bị Lực lượng phòng chống buôn lậu phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Long An bắt quả tang. Tổng tiền công vận chuyển thuốc lá ngoại V đã nhận của T3 là 12.000.000đ, V trả công cho N 1.000.000đ còn lại 11.000.000đ số tiền V đã tiêu xài hết, hiện V chưa nộp lại. V biết rõ T3 là đối tượng buôn bán thuốc lá ngoại và thuê V vận chuyển đi tiêu thụ vì T3 trực tiếp thuê V làm tài xế vận chuyển thuốc lá ngoại cho T3, trực tiếp trả tiền công vận chuyển cho V nên V biết. Đối với Nguyễn Nhật Thanh N thì V chủ động rủ đi theo làm phụ xe, phụ với V bốc thuốc lá ngoại từ trên xe xuống giao cho khách hàng rồi V lấy tiền công vận chuyển của mình chia cho N chứ T3 không có thuê N làm phụ xe và cũng không có trả tiền công phụ xe cho N. Nguyễn Nhật Thanh N khai nhận thống nhất lời khai của V, N do V thuê không biết T3, đã cùng tham gia với V vận chuyển 03 chuyến trong đó có 01 chuyến bị bắt quả tang ngày 12/3/2019, V trả tiền công được 1.000.000đ đã tiêu xài hết,

hiện N chưa nộp lại. Khoảng tháng 02/2019, Võ Hoàng L nhận canh đường cho Nguyễn Quốc T3, nhiệm vụ hàng ngày giám sát trước cổng Công an huyện Đức Huệ và chạy xe mô tô dọc theo tuyến đường tỉnh 838 từ thị trấn Đông Thành đến xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ để quan sát khi phát hiện Lực lượng Công an huyện Đức Huệ xuất phát làm nhiệm vụ thì L gọi điện thoại thông báo cho T3 hoặc V biết để điều khiển xe chạy đến chỗ an toàn hoặc dừng việc vận chuyển thuốc lá ngoại. Mỗi tuần T3 trả tiền công cho L từ 1.000.000đ đến 1.500.000đ, L đã nhận tiền tổng cộng là 10.000.000đ đã tiêu xài hết, hiện L chưa nộp lại.

Trần Hữu H2 khai nhận ngày 13/6/2019 thuê xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova biển số 51F-817.96 của ông Nguyễn Minh L2 với thời hạn là 02 năm. Khoảng 16 giờ ngày 19/7/2019, H2 điều khiển xe ô tô biển số 51F- 817.96 đi từ tỉnh Đồng Nai đến khu vực chợ Tho Mo thuộc xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An để mua thuốc lá ngoại chở về thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang bán cho một người phụ nữ (không rõ họ tên và địa chỉ) có số thuê bao 097984153 để kiểm lời. Qua xác minh thì Ngô Thị Thùy L3 là chủ số thuê bao 097984153, H2 xác định chưa gặp trực tiếp người này bao giờ, chỉ liên lạc qua điện thoại, khi H2 giao thuốc lá ngoại thì người nhận là một người đàn ông H2 không quen biết đi bằng xe tải, mang khẩu trang nên H2 không thấy rõ đặc điểm của người này. Do trước đó H2 có hứa với Lê Chí N1 nếu có về miền Tây thì cho N1 đi nhờ xe ghé tỉnh Sóc Trăng lấy giấy tờ nên H2 có ghé nhà trọ N1 rước N1 đi cùng. Khi đi đến vòng xoay Đức Huệ, H2 gọi điện thoại cho một người tên Luốc (không rõ họ tên và địa chỉ) đặt mua 14.400 bao thuốc lá ngoại các loại (13.200 bao hiệu Jet và 1.200 bao hiệu Hero) với số tiền 232.420.000đ. Khi đến gần chợ Tho Mo thì H2 kêu N1 xuống xe vào quán nước ở ven đường uống nước chờ H2, N1 xuống xe, H2 tiếp tục điều khiển xe đi theo chỉ dẫn của Luốc đến khu đất trống thì có 03 người thanh niên (không rõ họ tên và địa chỉ) đứng sẵn cùng với những bao thuốc lá ngoại, H2 dừng xe lại 03 người này chất 24 bao ny lông màu xám bên trong chứa thuốc lá ngoại lên xe H2, khi nhận thuốc lá ngoại xong H2 đưa cho một trong ba người thanh niên số tiền 196.000.000đ còn nợ lại Luốc 36.420.000đ. Nhận thuốc lá ngoại xong H2 điều khiển xe ra quán nước rước N1 cùng đi về thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày H2 đang điều khiển xe ô tô biển số 51F- 817.96 đến đường ĐT830 thuộc địa phận ấp 7, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An thì lực lượng Công an huyện Bến Lức kiểm tra bắt quả tang. Trước đó H2 đã vận chuyển được 02 chuyến thuốc lá ngoại giao cho đầu mối nhưng với số lượng nhỏ và thời gian đã lâu nên không nhớ số lượng bao nhiêu và tiền lời bao nhiêu. Để việc vận chuyển thuốc lá ngoại an toàn tránh lực lượng chức năng thì H2 có thuê Võ Hoàng L canh đường, L có nhiệm vụ canh đường cho H2 được 03 chuyến luôn chuyến bắt quả tang, số tiền đã trả cho L là 2.000.000đ, hiện L chưa nộp.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2020/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Minh Hải và Trịnh Gia B1 phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Hoàng T2, Trần Hữu H2, Nguyễn Quốc T3, Võ Hoàng L, Lê Trọng H1, Trương Hữu V, Huỳnh Đức T, Nguyễn Văn H, Lý B, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Tuấn A, Huỳnh Tấn Q, Huỳnh Dương Gia B1 và Đặng Thanh S phạm tội “Buôn bán hàng cấm”; các bị cáo Trần Văn T1 và Nguyễn Nhật Thanh N phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1, Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Bùi Hoàng T2 09 (chín) năm tù, thời gian tù tính từ ngày 23/11/2018.

Bị cáo Nguyễn Quốc T3 09 (chín) năm tù, thời gian tù tính từ ngày 29/3/2019.

Bị cáo Huỳnh Đức T 08 (tám) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2018 đến ngày 09/4/2019.

Bị cáo Lý B 08 (tám) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án.

Bị cáo Võ Hoàng L 08 (tám) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Trần Hữu H2 08 (tám) năm tù, thời gian tù tính từ ngày 20/7/2019.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a, g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Huỳnh Tấn Q 08 (tám) năm tù, thời gian tù tính từ ngày 26/9/2019.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Tuấn A 08 (tám) năm tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 tổng hợp hình phạt với bản án số 163/2019/HSST ngày 27/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh là 06 (sáu) năm tù về tội “Vận chuyển hàng cấm”, buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 14 (mười bốn) năm tù, thời gian tù tính từ ngày 06/12/2018.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Quốc D 06 (sáu) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2019 đến ngày 24/5/2019.

Bị cáo Nguyễn Văn H 05 (năm) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/10/2018 đến ngày 10/5/2019.

Bị cáo Đặng Thanh S 06 (sáu) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án.

Bị cáo Lê Trọng H1 05 (năm) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án.

Bị cáo Huỳnh Dương Gia B1 06 (sáu) năm tù, thời gian tù tính từ ngày 22/8/2019.

Bị cáo Trương Hữu V 06 (sáu) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2019 đến ngày 30/9/2019.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt:

Bị cáo Trần Văn T1 03 (ba) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Nhật Thanh N 03 (ba) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/3/2019 đến ngày 30/9/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn tạm giam, quyết định xử lý vật chứng, án phí, về quyền và thời hạn kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, bị cáo Huỳnh Đức T, Đặng Thanh S, Nguyễn Quốc D, Lý B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 28 tháng 9 năm 2020, bị cáo Trần Văn T1 kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xử, các bị cáo xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Huỳnh Đức T, Lý B, Nguyễn Quốc D, Đặng Thanh S về tội “Buôn bán hàng cấm”, xét xử Trần Văn T1 về tội “Vận chuyển hàng cấm” là không oan. Tuy nhiên, bị cáo Sử cho rằng việc bị cáo Tú thuê bị cáo cảnh giới không nói rõ bị cáo Tú buôn bán hàng cấm, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại hành vi phạm tội của bị cáo; bị cáo Trọng cho rằng án sơ thẩm chưa xem xét tình tiết giảm nhẹ bị cáo tích cực hợp tác trong việc phát hiện tội phạm. Bị cáo Huỳnh Đức T, Lý B, Nguyễn Quốc

D, Đặng Thanh S vẫn giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Trần Văn T1 thay đổi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Các bị cáo kháng cáo đúng thời hạn và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

Qua xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm. Đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định án sơ thẩm xét xử các bị cáo Huỳnh Đức T, Lý B, Nguyễn Quốc D, Đặng Thanh S về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo Trần Văn T1 về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự là đúng pháp luật, không oan, áp dụng hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Đức T 08 năm tù, Nguyễn Quốc D 08 năm tù, Lý B 06 năm tù, Trần Văn T1 03 năm tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện. Các bị cáo Huỳnh Đức T, Nguyễn Quốc D, Lý B, Trần Văn T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào khác ngoài những tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của án sơ thẩm đối với các bị cáo Huỳnh Đức T, Nguyễn Quốc D, Lý B, Trần Văn T1. Đối với bị cáo Đặng Thanh S kháng cáo cung cấp chứng cứ có cha là Đặng Văn Khiêm là thương binh, được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến công hạng ba, có bà ngoại Đặng Thị Trĩ là Bà mẹ Việt Nam anh hùng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bản thân bị cáo có thành tích trong công tác phòng chống tội phạm tại địa phương, các tình tiết này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo S, đề nghị xử phạt bị cáo S 05 năm tù.

Các bị cáo không tranh luận, lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Huỳnh Đức T, Lý B, Nguyễn Quốc D, Đặng Thanh S, Trần Văn T1 kháng cáo đúng quy định theo Điều 331, 332 Bộ luật Tố tụng hình sự và trong thời hạn theo Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ. Bị cáo Nguyễn Quốc Đạt, Lý B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, việc vắng mặt của bị cáo Nguyễn Quốc Đạt, Lý B không trở ngại cho việc xét xử, nên áp dụng điểm c khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] Về nội dung: Từ đầu năm 2018, Bùi Hoàng T2 đứng ra tổ chức nhập lậu thuốc lá ngoại mua ở khu vực biên giới Tho Mo thuộc xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ với số lượng từ 4.200 bao đến 15.000 bao bán lại cho các đầu mối ở các

tỉnh Bình Dương, tỉnh Đồng Nai, tỉnh Bình Thuận, tỉnh Sóc Trăng, TP. HCM... để kiểm lời. Để thực hiện, T2 thuê Huỳnh Đức T, Nguyễn Quốc D, Nguyễn Văn H, Lý B, Nguyễn Tuấn A có nhiệm vụ tài xế điều khiển xe vận chuyển thuốc lá ngoại. Nhiệm vụ phụ xe, chất thuốc lá ngoại lên xuống xe và một số nhiệm vụ khác thì T2 thuê Huỳnh Dương Gia B1, Huỳnh Tấn Q và Trần Văn T1. Nhiệm vụ canh giới T2 thuê Đặng Thanh S, Võ Hoàng L và Lê Trọng H1. Phương tiện sử dụng vận chuyển thuốc lá ngoại nhập lậu là xe ô tô loại 04 chỗ hoặc 07 chỗ T2 giao cho Lý B, Huỳnh Đức T và Nguyễn Văn H thuê gồm xe ô tô biển số 51G - 393.58, xe ô tô biển số 51F - 868.82, xe ô tô biển số 51F-127.00, xe ô tô biển số 51A-841.51 và xe ô tô biển số 51G - 488.99. Tiền thu lợi có được từ buôn bán thuốc lá ngoại nhập lậu sau khi thanh toán tất cả các khoản chi phí thì T2 được lời là 75.000.000đ, T2 đã giao nộp. Huỳnh Đức T đã thực hiện 28 chuyến giao thuốc lá ngoại cho T2, trong đó 26 chuyến giao thành công và 02 chuyến bị bắt, số tiền công T2 trả cho T tổng cộng 57.000.000đ, hiện T đã giao nộp được 20.531.000đ. Ngoài ra T còn đứng ra thuê xe ô tô hiệu Chevrolet Cruze biển số 51G - 488.99 cho T2 bố trí cho các tài xế khác sử dụng chở thuốc lá ngoại nhập lậu. Nguyễn Quốc D tham gia vận chuyển thuốc cho T2 06 chuyến, thu lợi bất chính tổng cộng số tiền 15.000.000đ, hiện D đã nộp lại. Lý B đứng ra thuê xe cho T2 03 chiếc để cho T2 đưa cho các tài xế chở thuốc lá ngoại, B nhận tiền huê hồng từ việc thuê xe cho T2 tổng cộng 60.000.000đ. Ngoài ra, B còn chở thuê thuốc lá ngoại cho T2 được 04 chuyến với tổng tiền công là 5.500.000đ. Tổng thu lợi bất chính của B từ việc giúp sức T2 buôn bán thuốc lá ngoại là 65.500.000đ, hiện B chưa nộp lại. Nguyễn Tuấn A thực hiện chở thuê thuốc lá ngoại cho Bùi Hoàng T2 01 chuyến vào ngày 11/9/2018, nhận được 1.400.000đ tiền công, hiện Tuấn A đã nộp lại. Huỳnh Tấn Q với vai trò làm phụ xe cho người tên Đức (không rõ họ tên và địa chỉ), Đức cùng Q đã thực hiện 04 chuyến giao thuốc lá ngoại cho T2 thành công, nhận là 3.500.000đ tiền công và tiền chia ngày 11/9/2018, Q nhận tổng số tiền 11.000.000đ, hiện chưa nộp lại. Huỳnh Dương Gia B1 làm nhiệm vụ phụ xe cho Huỳnh Đức T, Nguyễn Văn H và Nguyễn Tuấn A và Nguyễn Quốc D được 05 chuyến, được 2.400.000đ tiền công, hiện đã nộp lại. Trần Văn T1 do Huỳnh Đức T và Nguyễn Quốc D rủ đi làm phụ xe vận chuyển thuốc lá ngoại, từ khi tham gia đến khi bị bắt quả tang T1 đã thực hiện 05 chuyến được 2.100.000đ tiền công, hiện T1 đã nộp 2.100.000đ, riêng 300.000đ ở chuyến 01 thì T1 cho rằng T trả nợ nên không nộp lại. Đặng Thanh S nhận canh đường cho Bùi Hoàng T2 khu vực cổng Bru điện huyện Đức Huệ, giám sát trước cổng Công an huyện Đức Huệ, đã nhận tiền công của T2 03 lần với tổng số tiền là 1.500.000đ, hiện tại S đã nộp lại. Lê Trọng H1 nhận canh đường cho Bùi Hoàng T2 đoạn từ cầu Đức Huệ đến ngã tư Tân Mỹ, T2 trả tiền công được 05 lần với tổng số tiền là 1.500.000đ, hiện H1 đã nộp lại. Đối Nguyễn Văn H thực hiện chở thuê thuốc lá ngoại cho Bùi Hoàng T2 được 02 chuyến nhận được 5.000.000đ tiền công và nhận chở thuốc lá cho Nguyễn Quốc T3 01 chuyến bị bắt

quả tang ngày 12/3/2018 tại thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, H đã nộp lại 5.000.000đ.

Khoảng tháng 02/2019, Nguyễn Quốc T3 bắt đầu đứng ra mua thuốc lá ngoại nhập lậu với số lượng lớn từ 13.000 bao đến 15.000 bao ở khu vực biên giới Tho Mo thuộc xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ vận chuyển đến Tp. HCM bán lại cho các đầu mối để kiếm lời. T3 trực tiếp thuê các xe ô tô biển số 51G-398.28, xe ô tô biển số 51G-162.36 và xe ô tô biển số 51F-520.16. Để phục vụ cho hoạt động buôn bán, vận chuyển thuốc lá ngoại nhập lậu thì T3 thuê Trương Hữu V làm tài xế điều khiển xe ô tô vận chuyển đi Tp. HCM giao cho khách hàng, thuê Võ Hoàng L làm nhiệm vụ canh giới, V tự thuê Nguyễn Nhật Thanh N làm phụ xe. Ngoài ra Nguyễn Văn H còn chở thuốc lá ngoại cho T3 01 chuyến bị bắt quả tang ngày 12/3/2018 tại thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Tổng cộng T3 đã thực hiện việc buôn bán thuốc lá ngoại được 10 chuyến (06 chuyến thành công, 04 chuyến bị bắt) được tổng tiền lời 20.000.000đ, hiện T3 chưa nộp lại. V nhận chở thuê cho T3 được khoản 10 chuyến thuốc lá ngoại trong đó có 02 chuyến bị bắt quả tang nhận được 12.000.000đ tiền công. Còn N đi cùng V được 03 chuyến trong đó có 01 chuyến bắt quả tang, nhận 1.000.000đ tiền công, hiện N và V chưa nộp lại.

Khoảng 22 giờ ngày 19/7/2019, Trần Hữu H2 điều khiển xe ô tô biển số 51F- 817.96 đi từ tỉnh Đồng Nai đến chợ Tho Mo thuộc xã Mỹ Quý Tây, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An mua 14.370 bao thuốc lá ngoại của người tên Luốc với giá 232.420.000đ chất lên xe chạy đến đường ĐT830 thuộc địa phận ấp 7, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức, tỉnh Long An thì bị Lực lượng Công an huyện Bến Lức kiểm tra bắt quả tang cùng tang vật.

[3] Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức hành vi vận chuyển, mua bán hàng hóa bị Nhà nước cấm là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài các bị cáo đã mua hàng hóa là thuốc lá ngoại không có chứng từ hóa đơn xuất xứ hàng hóa từ khu vực biên giới mang về để bán lại cho các đầu mối ở các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Bình Thuận, Sóc Trăng, TP. Hồ Chí Minh... để kiếm lời, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý đối với các loại hàng hoá mà Nhà nước cấm lưu thông. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Huỳnh Đức T, Lý B, Nguyễn Quốc D, Đặng Thanh S về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự, xét xử bị cáo Trần Văn T1 về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy: Tại Tòa phúc thẩm, bị cáo Sừ cho rằng bị cáo Tú thuê bị cáo canh đường, nhưng bị cáo không biết bị cáo Tú thực hiện hành vi buôn bán hàng cấm, nhưng bị cáo Sừ đã nhiều lần nhận tiền công từ bị cáo Tú và nhiều lần điện thoại báo cho bị cáo Tú biết việc lực lượng chức năng

tuần tra làm nhiệm vụ, nhằm giúp cho bị cáo Tú trốn tránh việc phát hiện hành vi phạm tội của bị cáo Tú, nên hành vi của bị cáo Sử đã giúp sức cho bị cáo Tú thực hiện hành vi phạm tội buôn bán hành cấm.

Các bị cáo Huỳnh Đức T, Đặng Thanh S, Nguyễn Quốc D, Lý B, Trần Văn T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như các bị cáo Huỳnh Đức T, Lý B, Nguyễn Quốc D, Đặng Thanh S, Trần Văn T1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo tự thú các hành vi phạm tội trước, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, các bị cáo S, T, D, B, T1 có người thân và gia đình tham gia cách mạng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo tự N1 nộp lại số tiền phạm tội mà có, cụ thể: Huỳnh Đức T giao nộp 20.000.000đ, Nguyễn Quốc D giao nộp 15.000.000đ, Đặng Thanh S giao nộp 1.500.000đ, Trần Văn T1 giao nộp 2.100.000đ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Huỳnh Đức T, Nguyễn Quốc D, Lý B, Trần Văn T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ hình phạt nào khác ngoài tình tiết giảm nhẹ mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng. Đối với bị cáo Đặng Thanh S có cung cấp thêm xác nhận cha là ông Đặng Văn Khiêm là thương binh mất sức lao động 65%, nhiễm chất độc màu da cam 45%, ông Khiêm được Chủ tịch nước tặng Huân chương chiến công hạng ba vào năm 1995, 1999; bị cáo Sử có bà ngoại Đặng Thị Trĩ là Bà mẹ Việt Nam anh hùng; mẹ bị bệnh tim, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bản thân bị cáo có thành tích trong công tác phòng chống tội phạm tại địa phương, được Trưởng Công an thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ xác nhận, các tình tiết này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét.

Xét, mức án mà bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Huỳnh Đức T 08 năm tù, Nguyễn Quốc D 06 năm tù, Lý B 08 năm tù, Trần Văn T 03 năm là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi các bị cáo đã thực hiện, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Bị cáo Đặng Thanh S cung cấp thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo Sử, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Sử như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Bị cáo Trọng đề nghị xem xét tình tiết giảm nhẹ người phạm tội tích cực khai báo với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng bị cáo T đã bị bắt hai chuyến, đến chuyến thứ hai bị bắt vào ngày 11/9/2018, bị cáo bị tạm giam và qua điều tra bị cáo mới khai nhận, như vậy chưa thể hiện bị cáo tích cực khai báo theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên không chấp nhận theo đề nghị của bị cáo.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Các bị cáo Huỳnh Đức T, Nguyễn Quốc D, Lý B, Trần Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận; bị cáo Đặng Thanh S không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Thanh S, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Đức T, Lý B, Nguyễn Quốc D, Trần Văn T1; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 85/2020/HS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Tuyên bố: Các bị cáo Huỳnh Đức T, Lý B, Nguyễn Quốc D, Đặng Thanh S phạm tội “Buôn bán hàng cấm”; bị cáo Trần Văn T1 phạm tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt:

Bị cáo Huỳnh Đức T 08 (tám) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/9/2018 đến ngày 09/4/2019.

Bị cáo Lý B 08 (tám) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 190, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Quốc D 06 (sáu) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án, nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/01/2019 đến ngày 24/5/2019.

Bị cáo Đặng Thanh S 05 (năm) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 50, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt:

Bị cáo Trần Văn T1 03 (ba) năm tù, thời gian tù tính từ ngày thi hành án.

Về án phí: Buộc các bị cáo Huỳnh Đức T, Nguyễn Quốc D, Lý B, Trần Văn T1 mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Đặng Thanh S không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đức